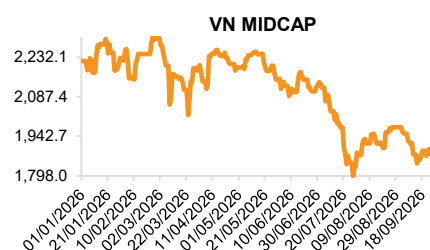
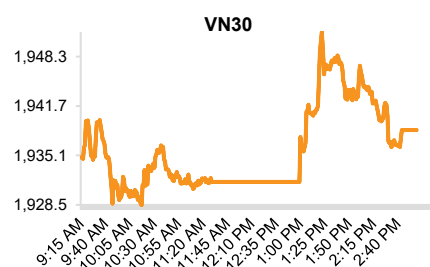
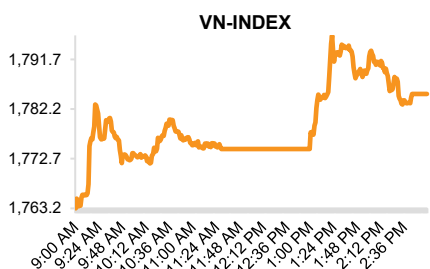


KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.785,1	272,2	125,2
1 ngày (%)	0,6	-0,2	-0,5
1 tháng (%)	-0,4	-3,7	-1,2
Từ 2026	0,0	9,4	3,5
1 năm (%)	7,1	-2,0	13,3
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	329	16	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,6	0,6	0,5
Số mã tăng	140	60	120
Số mã giảm	179	82	133
Số mã tham chiếu	86	151	476

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index tăng 0,6%, thanh khoản thu hẹp

Phiên giao dịch ngày 25/09/2026 ghi nhận VN-Index tăng 10,0 điểm (+0,6%) lên 1.785,1 điểm. Đà phục hồi tập trung ở nhóm vốn hóa lớn, trong đó VHM và VIC tạo lực kéo chính cho chỉ số. Độ rộng thị trường vẫn nghiêng về phía tiêu cực với 132 mã tăng, trong đó tám mã tăng trần, 49 mã đứng giá và 176 mã giảm, gồm ba mã giảm sàn, cho thấy dòng tiền chưa lan tỏa đồng đều. Tính chung cả tuần, VN-Index giảm 30,6 điểm (-1,7%) từ 1.815,7 điểm xuống 1.785,1 điểm. Áp lực điều chỉnh trong tuần tập trung ở nhóm vốn hóa lớn, đặc biệt là Bất động sản và một số cổ phiếu Ngân hàng. HNX-Index giảm 0,6 điểm (-0,2%) xuống 272,2 điểm.

VN30 tăng 6,4 điểm (+0,3%) lên 1.938,5 điểm, với 13 mã tăng, ba mã đứng giá và 14 mã giảm. VN100 tăng 8,6 điểm (+0,5%) lên 1.836,0 điểm.

Xét theo ngành, Bất động sản tăng 1,6% tiếp theo là Hàng hóa & Dịch vụ công nghiệp (+1,3%), Y tế (+1,3%), Du lịch & Giải trí (+1,1%) và Dầu khí (+0,5%). Ở chiều ngược lại, Tài nguyên giảm 1,4%, Dịch vụ tiện ích giảm 1,0%, Viễn thông giảm 0,8%, Thực phẩm & Đồ uống giảm 0,6% và Dịch vụ tài chính giảm 0,5%.

Thanh khoản khớp lệnh HoSE đạt 11,6 nghìn tỷ đồng, giảm 13,6% so với phiên trước. Khối ngoại bán ròng 273,5 tỷ đồng, tập trung tại TCB (114,9 tỷ đồng), MSB (98,2 tỷ đồng), HPG (78,6 tỷ đồng). Ở chiều mua ròng, SBT dẫn đầu với 246,8 tỷ đồng, tiếp theo là BSR (108,2 tỷ đồng), MSR (47,3 tỷ đồng).

Chúng tôi khuyến nghị: 1) **Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao:** Nhà đầu tư nên tiếp tục rà soát danh mục và tận dụng các nhịp phục hồi để cơ cấu những cổ phiếu có diễn biến yếu. Nhà đầu tư nên hạn chế gia tăng đòn bẩy khi VN-Index vẫn nằm dưới vùng 1.800 điểm và độ rộng thị trường chưa cải thiện rõ ràng, đồng thời theo dõi khả năng duy trì vùng 1.770–1.780 điểm; 2) **Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao:** Nhà đầu tư nên kiên nhẫn chờ VN-Index hình thành nền giá ổn định hơn và cải thiện thanh khoản trước khi tăng tỷ trọng. Việc giải ngân thăm dò có thể được cân nhắc ở các cổ phiếu duy trì sức mạnh tương đối tốt, nhưng nên hạn chế mua đuổi sau các nhịp tăng mạnh trong phiên.

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	1D	1M	Thay đổi (%)	YTD	1Y
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	5,0	26,1	3,2	0,8	-0,4	-15,2	-6,1	-3,1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,0	19,6	4,9	-0,7	-2,3	-12,0	-8,3	-8,3
Năng lượng	2,7	9,7	1,8	1,0	8,4	61,9	54,6	-20,1
Tài chính	36,6	11,2	1,6	0,2	-0,7	-1,4	-6,4	6,4
Chăm sóc sức khỏe	0,4	14,1	2,5	0,8	-2,7	-11,6	-6,5	50,0
Công nghiệp	6,2	24,1	3,2	0,6	0,1	-14,3	-8,7	-8,7
Công nghệ thông tin	1,6	12,1	2,9	-1,0	0,7	-23,2	-25,5	-10,0
Vật liệu xây dựng	5,3	13,4	1,5	-0,1	-2,0	-0,2	-8,9	-8,9
Bất động sản	31,3	60,2	7,5	1,7	1,6	24,1	135,1	-24,1
Dịch vụ tiện ích	3,9	13,4	2,3	-1,1	-3,1	7,2	16,4	-7,2

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Toàn cầu:** Giá dầu Brent giảm 0,8% xuống 105,73 USD/thùng, khi thị trường cân nhắc khả năng Mỹ - Iran đạt thỏa thuận ngừng xung đột và mở lại eo biển Hormuz; tuy nhiên rủi ro đối với hạ tầng dầu khí Trung Đông vẫn giữ giá ở mức cao.
- **Fed:** Các quan chức Fed cho rằng có thể cần tăng lãi suất thêm trong 2026 để đưa lạm phát về 2%; Chủ tịch Fed Philadelphia Anna Paulson cho rằng một số bước thắt chặt bổ sung ở mức vừa phải có thể phù hợp, trong khi John Williams cũng đề nghị khả năng tăng thêm trước cuối năm. Fed hiện giữ lãi suất ở 3,75-4,00% sau đợt tăng 25 điểm cơ bản trong tháng 9.
- **Mỹ:** Thị trường lao động và nhà ở cho thấy sức chống chịu tốt hơn dự kiến: số đơn xin trợ cấp thất nghiệp mới giảm còn 197.000, gần đây 57 năm, trong khi doanh số nhà mới tháng 8 tăng 6,4% svtt lên 684.000 căn/năm, cao nhất 8 tháng nhờ giảm giá và ưu đãi từ chủ đầu tư. Thâm hụt tài khoản vãng lai Q2/26 tăng 15,7% lên 246 tỷ USD, tương đương 3,0% GDP, chủ yếu do nhập khẩu hàng hóa tăng mạnh; thương mại đã kéo giảm tăng trưởng GDP trong 3 quý liên tiếp.
- **Nhật Bản:** Lợi suất TPCP 10 năm đã vượt 3%, cao nhất khoảng 30 năm, nhưng dòng vốn lớn của các quỹ hưu trí và nhà đầu tư trong nước vẫn chưa mạnh tay quay về Nhật do chưa rõ lợi suất sẽ tạo đỉnh ở đâu. JPY giao dịch quanh 159 JPY/USD, dù vị thế đầu cơ đã chuyển sang mua ròng mạnh nhất kể từ 7/2025.
- **Anh:** Chỉ số niềm tin tiêu dùng GfK tháng 9 tăng lên -13 điểm, cao nhất kể từ 8/2024 và tốt hơn nhiều so với dự báo -16 điểm, nhờ kỳ vọng tích cực hơn về tài chính cá nhân và triển vọng kinh tế; tuy nhiên giá năng lượng và lạm phát tăng vẫn là rủi ro.
- **IMF:** IMF đề xuất các chương trình cho vay tập trung vào "ít cải cách hơn nhưng sâu hơn", đồng thời tăng đánh giá rủi ro và ưu tiên các biện pháp tài khóa có tính khả thi cao. IMF cho rằng điều chỉnh tài khóa sớm có thể nâng khả năng thành công của chương trình, nhưng cần đi kèm bảo vệ chi tiêu xã hội và hỗ trợ tăng trưởng

Tin vĩ mô trong nước

- Tính đến 19/9, TP.HCM thu hút 17,2 tỷ USD FDI, gấp 4,19 lần svck và vượt 56,6% mục tiêu năm; thành phố dự kiến cả năm đạt khoảng 19 tỷ USD. Dòng vốn mới tập trung vào hạ tầng, công nghệ và trung tâm dữ liệu, trong đó hai dự án lớn gồm Cảng trung chuyển Cần Giờ 4,9 tỷ USD và Trung tâm dữ liệu AI Factory 2,1 tỷ USD, cho thấy FDI đang dịch chuyển mạnh hơn sang các dự án quy mô lớn và hàm lượng công nghệ cao.
- Dự thảo Luật Công nghiệp trọng điểm đề xuất cơ chế ưu đãi đặc biệt cho nhà đầu tư chiến lược, gồm ưu đãi về thuế, đất đai, tiếp cận hạ tầng và thủ tục rút gọn. Đổi lại, doanh nghiệp phải có cam kết rõ về R&D, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và phát triển nhà cung ứng trong nước, qua đó hướng tới tăng tỷ lệ nội địa hóa và nâng vị thế doanh nghiệp Việt trong chuỗi giá trị.
- Bộ Tài chính và NHNN tổ chức Non-Deal Roadshow tại Mỹ từ 21-25/9 nhằm cập nhật cho nhà đầu tư quốc tế về triển vọng kinh tế, tài khóa, tiền tệ, nợ công và định hướng phát triển thị trường vốn Việt Nam. Chương trình cũng nhằm thăm dò nhu cầu đối với các công cụ nợ Chính phủ và mở rộng kết nối với các định chế tài chính lớn; chưa phải đợt phát hành trái phiếu quốc tế.
- Việt Nam và Canada thúc đẩy khai thác hiệu quả CPTPP và mở rộng hợp tác từ thương mại sang khoa học - công nghệ, năng lượng sạch, hạ tầng, logistics, khoáng sản quan trọng và chuỗi cung ứng. Hai bên đồng thời khuyến khích doanh nghiệp và các quỹ đầu tư Canada tăng hiện diện dài hạn tại Việt Nam, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao và chuyển đổi xanh.
- Dự thảo Luật Phát triển công nghiệp văn hóa đề xuất cho phép tài sản trí tuệ được sử dụng để góp vốn và làm tài sản bảo đảm vay vốn, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu, cơ chế định giá và khung pháp lý cho việc giao dịch các tài sản này.

Nếu được thông qua, cơ chế mới có thể giúp doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ tiếp cận vốn thuận lợi hơn, dù TCTD vẫn tự thẩm định và quyết định việc nhận tài sản bảo đảm.

- Amazon Kuiper được cấp phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng qua vệ tinh tại Việt Nam, đánh dấu bước tiến mới trong thu hút đầu tư vào hạ tầng số và kết nối vệ tinh. Tập đoàn từng cam kết đầu tư khoảng 570 triệu USD, xây ít nhất 6 trạm mặt đất đến 2030 và sản xuất thiết bị đầu cuối tại Bắc Ninh, qua đó có thể hỗ trợ mở rộng kết nối băng rộng tại các khu vực khó tiếp cận hạ tầng viễn thông truyền thống.

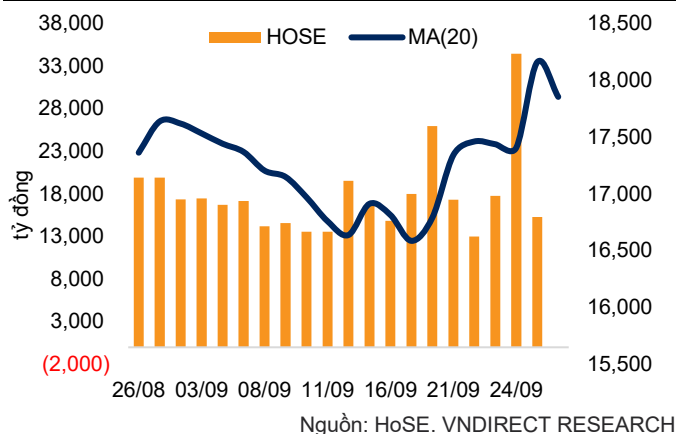
Tin ngành và doanh nghiệp

- **VJC:** Vietjet ký thỏa thuận với Starlink để cung cấp Wi-Fi tốc độ cao miễn phí trên các chuyến bay; giai đoạn đầu sẽ lắp đặt trên 120 tàu bay, gồm 100 tàu Airbus A321/Boeing 737 và 20 tàu Airbus A330, sau đó mở rộng ra toàn đội bay mới.
- **PAP:** Tổng mức đầu tư Cảng Phước An được nâng mạnh từ gần 17,9 nghìn tỷ đồng lên 28,35 nghìn tỷ đồng do cập nhật chi phí xây dựng và thiết bị. Dự án gồm 9 bến, dài 2.830 m, có thể tiếp nhận tàu 60.000 DWT và hướng tới khai thác tàu 160.000 DWT trong tương lai.
- **MSR:** Masan thông qua chuyển nhượng tối đa 5% MSR cho Elmet, sau thỏa thuận bán 4,99% với giá 125 triệu USD; Elmet đồng thời cam kết mua khoảng 1.250 tấn WO₃/năm trong hơn 8 năm. Masan cũng đề ngỏ khả năng tiếp tục giảm sở hữu tại MSR nhưng duy trì khoảng 75%.
- **VPB:** Theo Reuters, SMBC đang đàm phán nâng tỷ lệ sở hữu tại VPBank từ khoảng 15% lên 20%, dù hai bên chưa thống nhất về mức giá. SMBC có thể cân nhắc mua thêm cổ phiếu trên thị trường thay vì tham gia phát hành riêng lẻ; thương vụ hiện chưa được xác nhận chính thức.
- **PGB:** PGBank dự kiến chào bán hơn 267 triệu cp qua 2 đợt, huy động gần 2,67 nghìn tỷ đồng để bổ sung vốn kinh doanh và mở rộng tín dụng. Nếu hoàn tất, vốn điều lệ sẽ tăng từ hơn 7,3 nghìn tỷ đồng lên 10 nghìn tỷ đồng.
- **BSR:** BSR ký thỏa thuận khung mua dầu thô với ExxonMobil Châu Á - Thái Bình Dương, mở rộng nguồn nguyên liệu cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Thỏa thuận nằm trong chiến lược đa dạng hóa nguồn dầu thô, tăng tính linh hoạt vận hành và giảm phụ thuộc vào một số nguồn cung truyền thống.
- **CVN:** Vinam thông qua chủ trương thoái vốn tại 3 doanh nghiệp thành viên, với tổng giá trị theo phương án khoảng 61,4 tỷ đồng, sau khi BCTC 6M26 tiếp tục nhận ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các khoản đầu tư, tài sản và nợ thuế tại một số đơn vị.

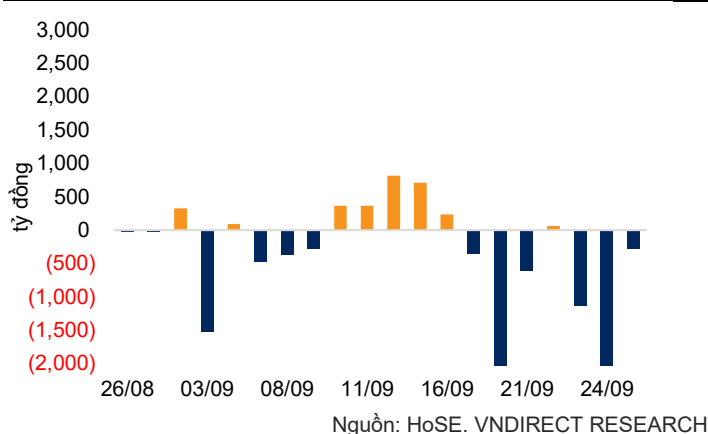
Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai, 21/09/2026	Trung Quốc	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 9.2026 của Ngân hàng Trung ương Trung Quốc
Thứ Tư, 23/09/2026	Mỹ	Số liệu PMI sản xuất và PMI dịch vụ tháng 9.2026

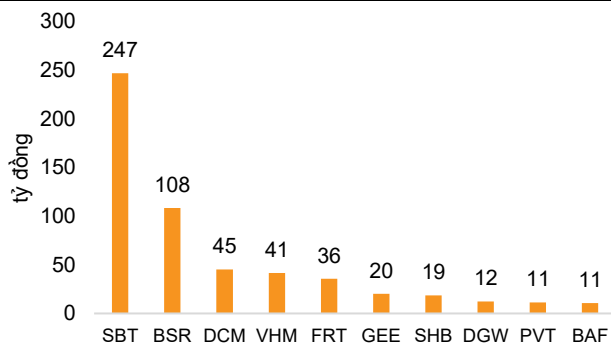
Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



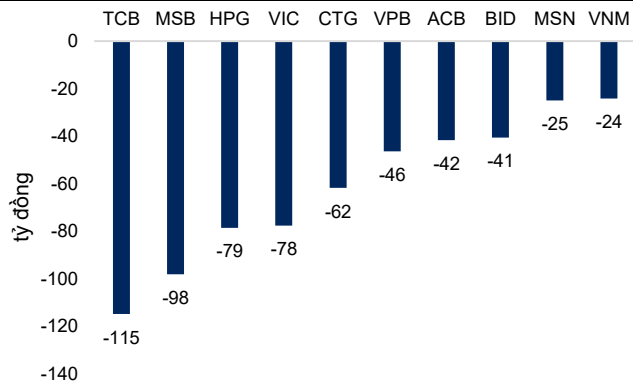
Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỐI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY

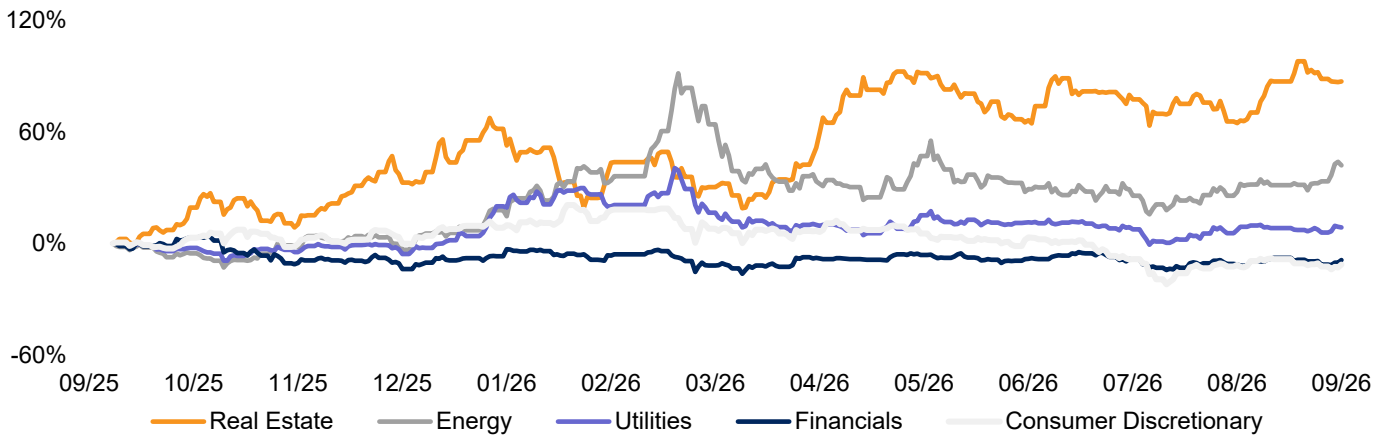


Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-1,2%	-2,0%	16,7	1,5	8,8%	2,4%	157,092	1,4%	166.058	0,1%	6,2%
Ấn Độ	NSE500 Index	0,1%	-5,4%	22,9	3,2	15,1%	1,2%	9,034	6,8%	-24.877	-0,5%	-7,5%
Indonesia	JCI Index	-0,9%	-27,8%	14,0	1,7	12,2%	3,7%	737	7,0%	-4.438	-1,0%	-6,4%
Singapore	FSTAS Index	0,4%	20,3%	19,6	1,6	9,5%	3,9%	1,457	2,2%	1.276	-0,7%	1,3%
Malaysia	FBME Index	0,1%	1,2%	14,9	1,4	10,1%	3,9%	594	3,7%	-1.361	-0,7%	3,4%
Philippines	PCOMP Index	1,1%	-6,5%	9,1	0,9	9,7%	4,1%	96	5,8%	-552	-1,2%	-7,0%
Thái Lan	SET Index	0,4%	27,7%	12,8	1,5	9,3%	4,3%	2,160	1,7%	1.581	-1,9%	-3,6%
Việt Nam	VN-Index	0,6%	0,0%	13,5	2,0	16,0%	2,0%	541	4,3%	-3.562	0,5%	1,6%

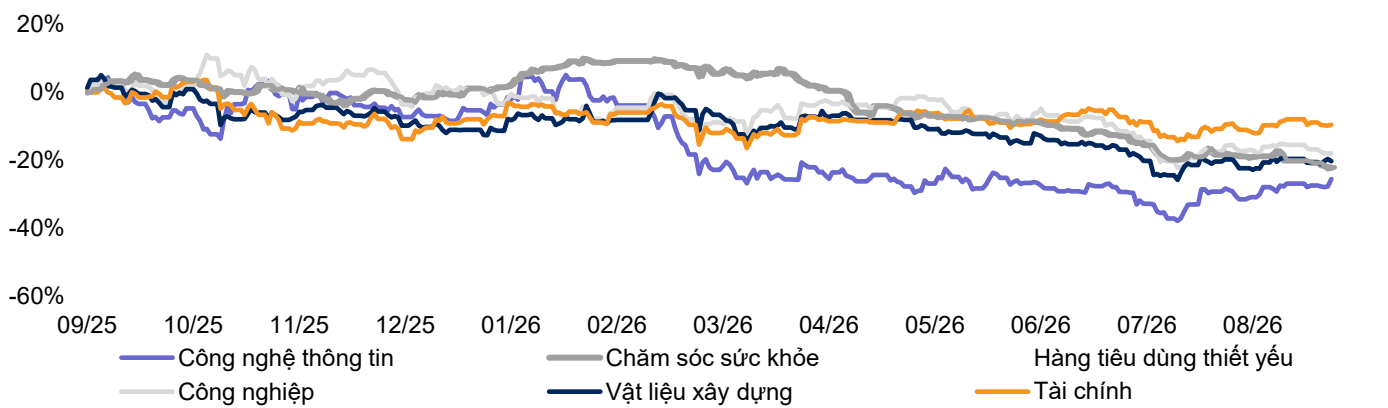
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



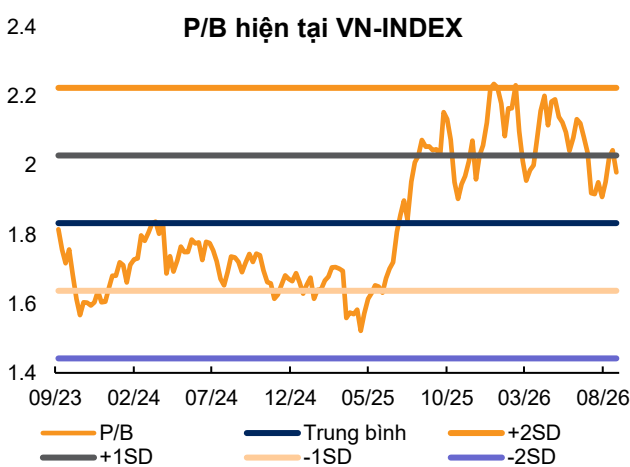
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



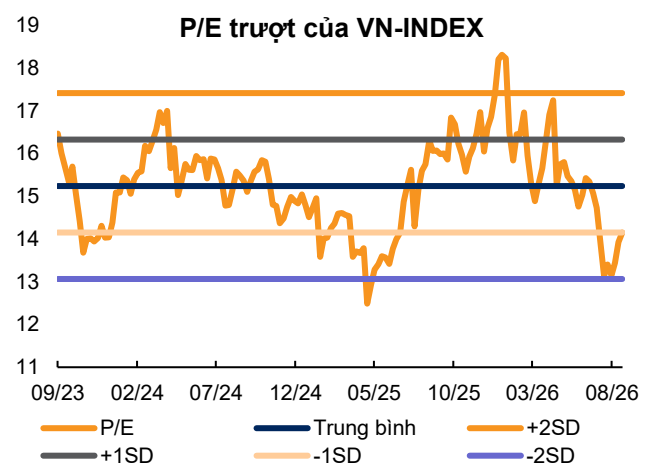
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



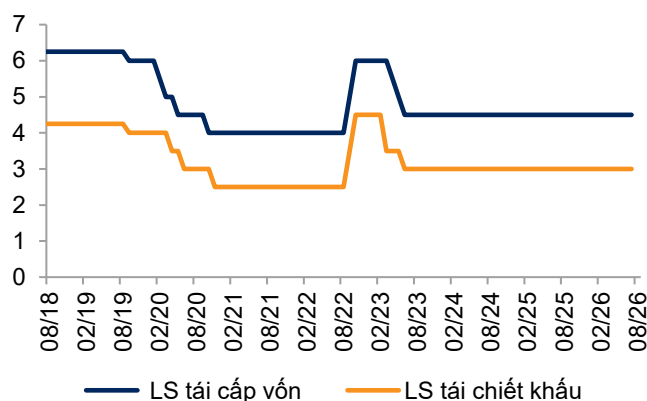
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4.30	0.1	0.8	32.0	41.5
Lợi suất TPCP Việt Nam 10 năm (%/năm)	4.47	0.0	0.3	10.6	23.6
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	0.95	-61.2	-74.7	-42.4	-76.1
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6.12	1.3	-5.3	-25.8	22.4
USD/VND	25,977	0.1	0.5	1.2	1.6
DXY	101.11	-0.2	2.2	2.8	2.6
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	5.17	-0.5	11.7	24.1	24.0
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4.97	-0.8	17.3	40.4	35.9

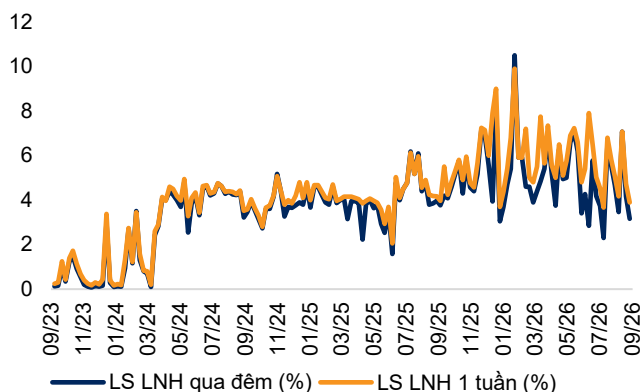
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



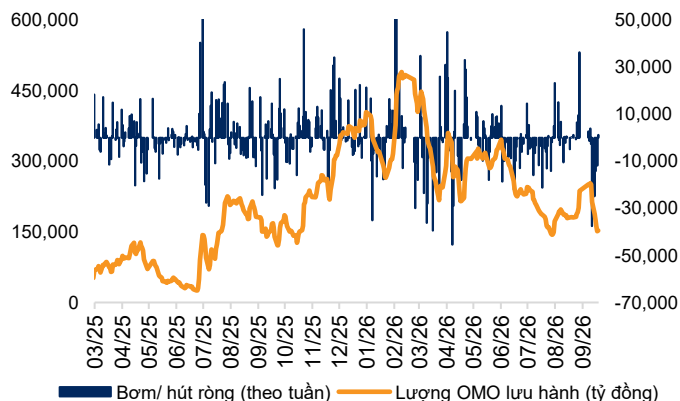
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



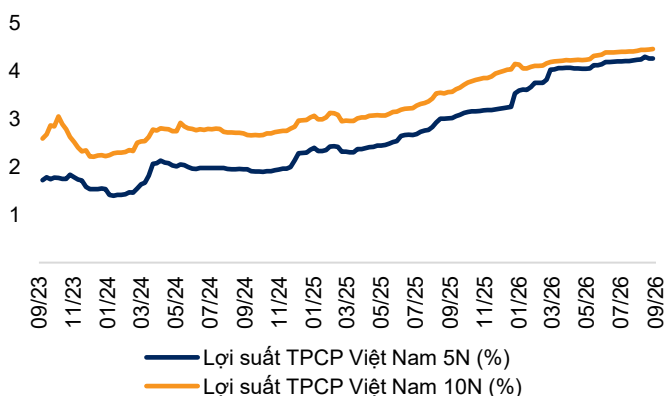
Nguồn: SBV. FIINPRO. VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO



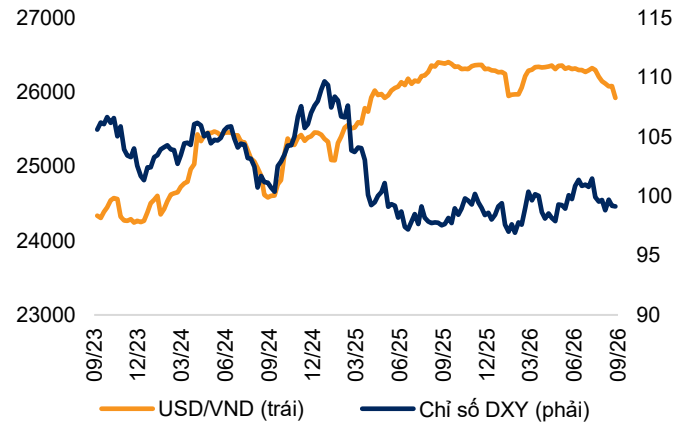
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	-1,8%	12.9%	43.0%
Brent Crude	-1,2%	18.8%	51.6%
JKM LNG	2,0%	7.9%	147.5%
Henry Hub LNG	-0,7%	6.5%	120.4%
NW Thermal Coal	-2,0%	6.4%	4.2%
Singapore Platt FO	6,7%	16.3%	71.0%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	0,7%	-7.4%	14.9%
Vàng SJC trong nước	-100,0%	-100.0%	-100.0%
Bạc	0,4%	-7.3%	42.5%
Bạch kim	0,5%	-5.4%	15.1%

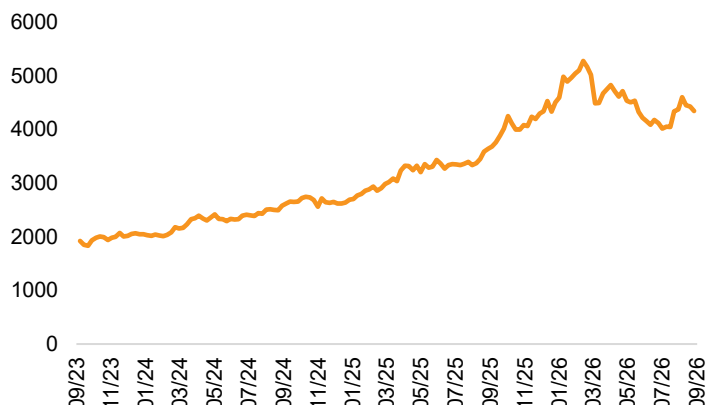
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	-6.4%	391.6%
Đồng	0,6%	1.7%	41.4%
Nhôm	-0,1%	0.9%	22.7%
Niken	0,1%	-3.0%	7.2%
Kẽm	0,3%	3.1%	21.9%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,2%	4.0%	-1.7%
Quặng sắt	-0,3%	-1.5%	-12.6%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	-0,8%	14.2%	44.6%
Arabica	1,1%	-25.0%	-25.0%
Đường	0,3%	2.1%	11.9%
Cacao	0,7%	-2.3%	-18.7%
Dầu cọ	-2,4%	-7.1%	NA
Bông	0,8%	-9.1%	24.2%
Sữa bột	0,1%	-2.9%	-8.1%
Lúa mì	-2,1%	1.0%	31.4%
Đậu tương	-1,0%	6.2%	28.8%
Hạt điều	NA	0.0%	10.0%
Cao su	-2,5%	-5.6%	44.3%
Urê	-0,9%	-4.0%	0.5%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	-0,8%	-2.4%	-20.3%
Gia súc	-0,8%	-0.5%	-6.4%

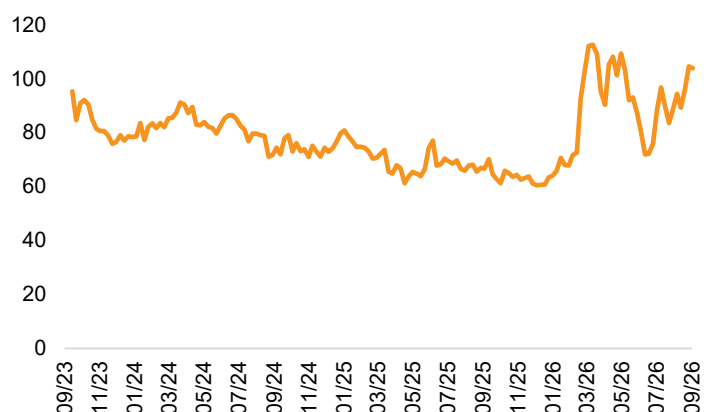
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	5,433	0.7	2,571	39,400	64,700	64.2%	1.4%	12.7	1.9	16%
AST	131	0.0	3	63,100	84,500	38.2%	1.3%	11.5	4.7	48%
HVN	2,432	0.9	526	20,300	43,400	104.8%	3.1%	13.9	6.7	
VJC	3,932	5.7	938	132,800	113,600	-10.4%	0.6%	46.3	3.9	9%
Bán lẻ										
BAF	447	2.0	206	31,850	40,100	35.0%		116.8	2.7	3%
DGW	383	2.1	87	44,500	49,600	42.7%	2.2%	11.8	2.6	25%
FRT	977	2.3	156	141,900	150,300	37.9%	0.2%	22.3	5.3	30%
MCH	7,096	2.4	5,959	141,000	165,000	21.3%	1.4%	26.1	9.8	39%
MWG	4,170	10.2	-2	73,400	102,000	42.7%	1.4%	10.9	3.0	30%
PNJ	650	9.1	14	33,000	N/A	N/A	2.0%	7.0	1.3	18%
QNS	705	0.3	288	49,800	53,400	13.1%	2.0%	8.1	1.5	19%
SAB	2,167	1.1	892	43,900	54,600	25.4%	6.8%	12.2	2.9	23%
VHC	400	0.6	329	49,550	72,400	36.6%	4.0%	7.6	1.1	15%
VNM	4,811	8.7	2,413	59,800	71,900	20.4%	3.1%	12.7	3.9	31%
Tài chính										
ACB	4,782	9.9	299	21,400	31,300	41.9%	2.9%	7.9	1.3	17%
BID	10,705	5.6	1,334	35,750	47,200	32.4%	1.2%	8.4	3.2	16%
CTG	9,015	9.6	489	30,150	40,200	70.2%	1.5%	5.8	1.2	22%
HDB	5,357	11.3	268	27,800	39,500	54.7%	2.3%	7.0	1.6	26%
LPB	5,342	5.5	186	46,450	33,400	-31.7%	6.5%	12.3	3.2	27%
MBB	7,096	11.1	317	19,900	32,900	51.5%	4.2%	6.4	1.3	22%
STB	5,552	10.3	1,074	76,500	73,000	-35.7%	0.8%	23.6	2.3	5%
TCB	9,070	18.3	151	33,250	39,200	40.2%	2.1%	8.7	1.3	16%
TPB	1,559	5.2	128	14,600	21,700	33.9%	3.4%	5.3	0.9	18%
VCB	18,656	10.4	1,870	58,000	67,100	29.2%	0.8%	11.6	2.0	18%
VIB	1,923	3.6	29	13,400	14,600	10.2%	6.1%	6.7	1.0	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8,854	17.4	638	23,000	37,100	50.4%	1.7%	7.7	1.3	18%
Dệt may										
MSH	129	0.1	58	29,800	40,600	34.2%	3.4%	5.4	1.7	31%
TCM	72	0.7	1	15,800	20,000	20.8%	3.0%	9.4	0.8	8%
Khu công nghiệp										
BCM	1,602	1.1	540	40,200	68,400	81.5%	2.7%	22.0	1.9	9%
GMD	1,271	3.6	128	77,400	95,700	3.1%	2.8%	13.7	2.4	19%
HAH	375	1.3	88	51,700	55,400	27.6%	3.9%	7.4	1.9	27%
VSC	191	4.6	90	13,250	19,100	37.5%	3.8%	14.5	0.9	7%
IDC	537	1.5	186	33,400	58,000	44.5%	4.1%	6.4	2.1	35%
KBC	941	1.4	400	25,950	35,700	9.5%	1.4%	21.3	1.0	5%
PHR	305	0.8		32,450	68,400	22.4%	2.4%	8.5	1.7	22%
VTP	413	1.1	187	52,800	77,900	60.6%	1.3%	33.5	4.6	15%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	526	1.2	240	35,950	128,300	246.0%	22.3%	6.8	0.9	13%
HPG	6,712	17.3	1,831	20,650	33,300	53.5%	2.2%	7.5	1.2	17%
Dầu khí										
BSR	5,860	10.9	2,783	30,400	16,700	-27.2%	1.0%	7.6	2.0	30%
GAS	7,477	4.5	3,507	80,500	91,800	20.4%	3.1%	15.3	2.8	18%
OIL	530	1.0	34	13,300	14,800	13.2%	1.9%	38.8	1.3	3%
PLX	1,743	4.8	100	35,000	47,700	46.4%	3.4%	14.5	1.7	9%
PVD	643	3.5	270	18,000	23,000	37.8%	13.9%	17.2	1.0	5%
PVS	747	4.1	249	31,600	48,200	40.5%	1.7%	9.2	1.3	11%
PVT	460	3.5	154	23,100	24,200	44.0%	0.9%	8.4	1.3	15%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	592	2.8	275	22,600	22,700	6.6%	6.6%	9.0	1.4	14%
DCM	699	3.2	306	34,300	49,800	41.4%	5.8%	7.9	1.6	21%
DDV	93	0.2		16,600	38,700	119.0%	10.2%	3.8	1.1	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	58	0.1		18,700	34,100	88.0%	2.7%	9.3	1.1	12%
Điện										
POW	1,470	9.9	775	14,550	14,400	0.1%	1.1%	17.6	1.2	7%
Điện và BĐS										
HDG	248	0.9	85	15,850	27,500	69.8%	2.9%	6.9	0.9	14%
PC1	332	0.0	138	21,000	30,800	43.3%	0.0%	8.5	1.3	16%
REE	1,105	0.7	1	46,100	66,600	41.1%	1.9%	10.9	1.3	13%
Bất động sản										
DXG	493	4.3	169	10,100	20,500	92.4%	19.8%	63.8	0.9	1%
KDH	467	3.2	124	15,700	35,700	104.0%	1.9%	10.8	0.9	9%
NLG	419	1.8	56	22,450	38,000	95.9%	2.2%	18.2	0.9	5%
VHM	21,852	25.7	9,500	69,100	80,200	3.3%	4.3%	7.2	2.2	33%
VRE	2,143	5.2	807	24,500	34,000	39.9%	4.1%	7.7	1.1	15%
Công nghệ										
FPT	4,697	17.9	962	64,700	186,000	41.7%	1.4%	12.1	3.0	27%
Xây dựng										
HHV	192	1.0	172	9,110	14,700	46.3%	0.0%	10,0	0.5	4,8%
Tài chính thay thế										
F88	467	0.4	358	52,500	93,100	24.3%	0.0%	15.7	4.7	39%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết. Thông tin trên báo cáo được công bố của công ty. Thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT. người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA

